TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **147**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 01 - 2026
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Nguyễn Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Huy Hoàng

2. Ông Võ Hoàng Thu

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Bình – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 23 tháng 01 năm 2026, tại Phòng xử án Hôn nhân gia đình và người chưa thành niên thuộc Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 552/2025/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 682/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 583/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ông Nguyễn Hoàng V**, sinh năm 1959;

Số Căn cước công dân: 079059006***; ngày cấp: 12/01/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ: A, xã V, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: **Bà Lê Thị N**, sinh năm 1958;

Số Căn cước công dân: 079158019***; ngày cấp: 10/7/1958

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ: A, xã V, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông V có đơn xin xét xử vắng mặt, bà N vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng V trình bày: Ông V và bà Lê Thị N bắt đầu chung sống với nhau từ năm 1978, do tự tìm hiểu và tự nguyện chung sống, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Bình

Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 25/8/2005. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2005 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau, cả hai ly thân nhau gần 20 năm nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, nên ông V yêu cầu được ly hôn với bà N.

Về con chung: Ông V xác định quá trình chung sống có 03 (ba) con chung tên là Nguyễn Hoàng Thu T (giới tính nữ) sinh ngày 08/7/1979, Nguyễn Hoàng Q (giới tính nam) sinh ngày 02/7/1981 và Nguyễn Hoàng Thanh X (giới tính nữ) sinh ngày 01/7/1985. Các con chung đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Ông V khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông V xác nhận không có.

Do bận công việc nên ông V đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, ngoài ra ông V không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Lê Thị N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Hoàng V nộp đơn xin ly hôn với bà Lê Thị N tại Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lê Thị N hiện đang cư trú tại xã V, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Bà N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án nên bà N đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Bà N phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu xin ly hôn, lời trình bày của ông V và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án làm chứng cứ để xem xét giải quyết vụ án.

[3] Về quan hệ vợ chồng: Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 161, quyển số 01/2005 do Uỷ ban nhân dân xã V, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/8/2005 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Hoàng V và bà Lê Thị N là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông V xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên ông V yêu cầu được ly hôn với bà N để mỗi người tạo dựng cuộc sống riêng.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên của ông V hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi lẽ, theo lời trình bày của ông V thì quan hệ vợ chồng của ông V và bà N đã phát sinh mâu thuẫn từ rất lâu, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau, cả hai ly thân nhau gần 20 năm nay. Điều này cho thấy tình trạng hôn nhân giữa ông V và bà N là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Mặt khác, do bà N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để mời tham dự phiên hòa giải và tham dự phiên tòa nhưng bà N vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện bà N không có thiện chí để Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông V đối với bà N.

[4] Về con chung: Ông Nguyễn Hoàng V xác nhận quá trình chung sống có 03 (ba) con chung tên là Nguyễn Hoàng Thu T (giới tính nữ) sinh ngày 08/7/1979, Nguyễn Hoàng Q (giới tính nam) sinh ngày 02/7/1981 và Nguyễn Hoàng Thanh X (giới tính nữ) sinh ngày 01/7/1985. Các con chung đã trưởng thành nên Toà án không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Do ông V xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết còn bà N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[6] Về án phí: Ông Nguyễn Hoàng V là người cao tuổi có đơn xin miễn nộp tiền án phí và thuộc trường hợp được miễn nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Hoàng V đối với bà Lê Thị N.

Ông Nguyễn Hoàng V được ly hôn với bà Lê Thị N. Giấy chứng nhận kết hôn số 161, quyển số 01/2005 do Uỷ ban nhân dân Xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/8/2005 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Hoàng V được miễn nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM (01);
- VKSND TP. HCM (01);
- VKSND KV10 -TP. HCM (01);
- THADS TP. HCM (01);
- Các đương sự (04);
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn (01);
- Lưu hồ sơ (03).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Nguyễn Thanh Thảo

TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 49/2026/QĐ-SCBSBA	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN SƠ THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 268 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xét thấy cần sửa chữa Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 147/2026/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Toà án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh về việc "Tranh chấp ly hôn" giữa:

Nguyên đơn: **Ông Nguyễn Hoàng V**, sinh năm 1959;

Số Căn cước công dân: 079059006***; ngày cấp: 12/01/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ: A6/59 ấp *, xã V, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: **Bà Lê Thị N**, sinh năm 1958;

Số Căn cước công dân: 07915801****; ngày cấp: 10/7/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ: A6/59 ấp *, xã V, Thành phố Hồ Chí Minh.

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa chữa Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 147/2026/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Toà án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

Tại dòng thứ 09 từ dưới lên trang số 01 của Bản án đã ghi: "ngày cấp: 10/7/1958"

Nay sửa chữa như sau: "ngày cấp: 10/7/2021."

Nơi nhận: - Đương sự (3); - VKSND KV10-TP.HCM (2); - THADS TP.HCM (1); - Lưu hồ sơ vụ án (5).	**THẨM PHÁN** **Châu Nguyễn Thanh Thảo**

